

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TP  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày: 26-01-2022

V/v Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tấn Phúc

2. Bà Trần Thị Thu Thảo

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Văn Chung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** không tham gia.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp K, xã PL, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

***- Bị đơn:*** Chị Lê Thị Bé H1, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp K, xã PL, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

(các đương sự có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong Đơn khởi kiện và Bản tự khai ngày 09 tháng 9 năm 2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Do quen biết, ngày 26/6/2020, bà có cho chị Lê Thị Bé H1 vay số tiền 45.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, trả lãi hàng tháng, vay không kì hạn, khi nào cần lấy lại vốn sẽ thông báo cho chị Bé H1. Hai bên có lập Giấy mượn tiền ngày 26/6/2020. Sau khi vay, chị Bé H1 không trả vốn, lãi cho bà. Bà đã nhiều lần yêu cầu chị Bé H1 trả tiền, chị Bé H1 hẹn trả nhưng đến hạn lại không thực hiện. Đến ngày 26/8/2021, bà yêu cầu chị Bé H1 trả tiền thì chị Bé H1 không trả nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà khởi kiện yêu cầu chị Bé H1 phải trả lãi cho bà số tiền vốn gốc là 45.000.000đồng và tiền lãi theo lãi suất quy định phát luật là 1,66%/tháng từ ngày vay là ngày 26/6/2020 đến ngày xét xử, tiền lãi tạm tính đến ngày 25/10/2021 là 11.952.000đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn là 45.000.000đồng và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi yêu cầu tính lãi theo lãi suất 1,5%/tháng nên yêu cầu chị Bé H1 trả tiền lãi từ ngày vay đến ngày xét xử là 12.825.000đồng, tổng cộng vốn và lãi là 57.825.000đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật. Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền ở giai đoạn thi hành án, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả nếu bị đơn chậm thi hành án nghĩa vụ trả tiền theo mức lãi suất 1,66%/tháng, lãi được tính kể từ ngày nguyên đơn có yêu cầu thi hành án.

\* Tại phiên tòa, bị đơn chị Lê Thị Bé H1 trình bày như sau: Ngày 26/6/2020, chị có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền là 40.000.000đồng, lãi suất không rõ là bao nhiêu, vay không thời hạn, khi vay chỉ ký tên trong biên nhận mượn tiền do bà H nộp nhưng nội dung biên nhận lúc đó chưa được ghi. Sau đó, chị chưa trả vốn, lãi cho bà H. Nay, qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị đồng ý trả số tiền vốn là 45.000.000đồng vì chị không có chứng cứ chứng minh chỉ vay số tiền 40.000.000đồng và đã ký biên nhận không có nội dung, đồng ý trả lãi từ khi vay cho đến ngày xét xử và lãi do chậm thi hành án theo yêu cầu của bà H nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ vì hoàn cảnh của chị rất khó khăn phải nuôi con còn nhỏ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, các đương sự trình bày thống nhất như sau: Do quen biết, vào ngày 26/6/2020, bị đơn chị Lê Thị Bé H1 có vay của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền 45.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, trả lãi hàng tháng, vay không kì hạn, khi nào cần lấy lại vốn bà H sẽ thông báo cho chị Bé H1. Chị Bé H1 có ký Giấy mượn tiền ngày 26/6/2020. Sau khi vay, chị Bé H1 không trả vốn lãi cho bà H. Bà H nhiều lần yêu cầu chị Bé H1 trả nợ nhưng chị Bé H1 không thực hiện. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết các đương sự trình bày nêu trên là sự thật. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định quan hệ giao dịch giữa các đương sự là hợp đồng vay có lãi và không kỳ hạn trong đó bà Nguyễn Thị H là bên cho vay và chị Lê Thị Bé H1 là bên vay. Đến nay, chị Bé H1 là còn nợ bà H số tiền vốn là 45.000.000đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày vay ngày 26/6/2020 cho đến ngày xét xử là 12.825.000đồng, tổng cộng là 57.825.000đồng.

[2] Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật, bị đơn xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả tiền nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Do đó, nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là hoàn toàn do lỗi của bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền theo đúng thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay tài sản theo quy định tại các Điều 466 và 469 của Bộ luật Dân sự. Nay, bị đơn lại tiếp tục xin trả dần là ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và không được nguyên đơn chấp nhận. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ ngay khi án có hiệu lực là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về lãi suất do bị đơn đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi vi phạm thỏa thuận đến ngày xét xử và vấn đề bồi thường thiệt hại, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi thi hành án: Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì bị đơn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng, lãi suất này được tính kể từ khi nguyên đơn có yêu cầu thi hành án. Xét thấy, thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối

cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn chị Lê Thị Bé H1 có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Xử:*

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bị đơn chị Lê Thị Bé H1 phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền là 57.825.000đồng (năm mươi bảy triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chị Lê Thị Bé H1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí:

Bị đơn chị Lê Thị Bé H1 phải chịu 2.891.250đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.423.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002785 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP tỉnh Tiền Giang.

3/ Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TG;
- VKSND h. TP - TG;
- THADS h.TP - TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Huỳnh Trúc**